

Số: 370 /KH-UBND

Khánh Sơn, ngày 20 tháng 05 năm 2020

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm
giai đoạn 2021-2025 huyện Khánh Sơn

Thực hiện Công văn số 1240 /SKHĐT-TH ngày 24/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

UBND huyện Khánh Sơn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020:

Trong giai đoạn 2016-2020 vừa qua, tình hình trong nước, trong tỉnh chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh và sự chống phá của các thế lực thù địch, nhất là vấn đề an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo; tuy nhiên kinh tế - xã hội trong nước nói chung, trong tỉnh nói riêng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Trên địa bàn huyện luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, sự phối hợp giúp đỡ có hiệu quả của các sở, ban ngành trong tỉnh, cùng với các chính sách đầu tư của Trung ương, của tỉnh đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, nhất là chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến tích cực, chuyển dịch đúng hướng, trong đó, sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo; các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện đạt được những kết quả nhất định.

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế

Bình quân giai đoạn 2016-2020, đạt 8,56 %, cụ thể: Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 8,47%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 6,22%; thương mại - dịch vụ và du lịch tăng 10,23%.

Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo đúng định hướng “*Nông nghiệp - dịch vụ, du lịch - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*”, trong đó, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 71,65%; thương mại - dịch vụ và du lịch chiếm 17,07%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 11,28%. Nhìn chung, trong phát triển kinh tế đã phát huy được lợi thế về khí hậu và thổ



những ở địa phương để từng bước tăng dần tỷ trọng ngành nông nghiệp và giữ vai trò chủ đạo theo Kế hoạch đề ra.

2. Sản xuất nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 8,47%, mặc dù không đạt theo chỉ tiêu Kế hoạch đề ra (10%) , nhưng đây là một mức tăng trưởng khá tốt so với tình hình chung của tỉnh. Trong phát triển sản xuất nông nghiệp, huyện đã thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi diện tích cây trồng hàng năm và cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: Sầu riêng, bưởi da xanh, măng cụt, quýt đường, chôm chôm..., trong đó, đã vận động Nhân dân thực hiện tốt quyết định 1609 của UBND tỉnh Khánh Hòa với tổng diện tích chuyển đổi là 1.063,59 ha, trong đó có 153,43 ha theo đề án phát triển cây ăn quả của huyện, nâng tổng diện tích cây trồng bình quân hàng năm đạt 4.948 ha, (cây hàng năm 1.944 ha, cây lâu năm 3.004 ha), trong đó, diện tích cây sầu riêng là 1.506 ha, bưởi da xanh 333 ha với sản lượng một số loại cây trồng chủ lực năm 2019 đạt 3.624 tấn. (sầu riêng 3.381 tấn, chôm chôm 63 tấn, măng cụt 29 tấn, quýt 33 tấn và bưởi 118 tấn). Đặc biệt, năm 2019 Sầu riêng Khánh Sơn đã được tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt danh hiệu thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam và đăng ký thương hiệu đối với bưởi da xanh trên địa bàn huyện, đồng thời, với chủ trương phát triển hàng nông sản “sạch” góp phần giúp Nhân dân mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất.

Về chăn nuôi, do không có đồng cỏ chăn thả, giá cả không ổn định và chịu nhiều ảnh hưởng từ dịch bệnh nên người dân không đầu tư thành trang trại chăn nuôi, chủ yếu nuôi theo gia trại nhỏ lẻ, tự cung tự cấp là chính.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng luôn được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt, trong đó, đã tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện có hiệu quả chương trình trồng rừng hàng năm và tiến hành khoanh nuôi, bảo vệ tái sinh đối với diện tích rừng hiện có, đồng thời, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng đã hạn chế thấp nhất việc cháy rừng và xâm chiếm đất rừng trái phép. Đến cuối năm 2020, toàn huyện trồng được 2.164 ha rừng, (trong đó, nhà nước hỗ trợ trồng 1.276 ha và Nhân dân tự trồng 888 ha), đạt 77,2% so với Kế hoạch đề ra. Dự kiến đến cuối năm 2020 độ che phủ rừng của huyện là 65%, đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chỉ tiêu trồng rừng không đạt là do qua triển khai các hộ có nhu cầu đăng ký trồng rừng ít. Bên cạnh đó, một số hộ tự chuyển đổi từ diện tích trồng keo sang trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn.

Nhìn chung, trong giai đoạn, sản xuất nông nghiệp của huyện đã có sự phát triển và thay đổi rõ rệt, mang lại lợi ích kinh tế cao cho Nhân dân địa

phương, đã góp phần nâng cao nhận thức trong việc phát triển kinh tế hộ gia đình trong đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

Lĩnh vực công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp không phải là thế mạnh của địa phương do đặc thù là một huyện miền núi, cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại khó khăn, nguồn nguyên liệu phục vụ cho phát triển các ngành nghề từ mây, tre, nứa lá không ổn định, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được mà chủ yếu bán nhỏ lẻ cho người tiêu dùng địa phương.

Về công nghiệp: Trong giai đoạn, đã quy hoạch phát triển cụm công nghiệp Sơn Bình nhưng không triển khai thực hiện được, do nguồn kinh phí đầu tư lớn nhưng không có cơ chế, chính sách phù hợp ở vùng miền núi nên không thu hút đối các doanh nghiệp.

Về tiểu thủ công nghiệp: các cơ sở sản xuất, chế biến hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp ở địa phương trong thời gian qua tuy có tăng, nhưng số lượng không lớn, do thiếu người tổ chức sản xuất khôi phục làng nghề, sự cạnh tranh hàng hóa trên thị trường không theo kịp với hàng ngoại nhập (*hiện nay chỉ có 114 cơ sở chế biến các loại với tổng số lao động là 157*)

Để góp phần thúc đẩy phát triển các ngành nghề ở địa phương, huyện đã phối hợp với Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa có chính sách hỗ trợ khuyến công đối với một số mô hình hình thành mới trong các ngành nghề như: gia công, sửa chữa cơ khí, sản xuất đan lưới B40 và Nhà máy Băm dăm phục vụ thu mua keo của Nhân dân, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho Nhân dân. Qua đó, mức độ phát triển trong lĩnh vực công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp ở địa phương hạn chế, mức tăng trưởng chậm. (*giá trị sản xuất giai đoạn 2016-2020 đạt 203,707 triệu đồng, không đạt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra là 12%*).

4. Thương mại – dịch vụ và du lịch

Lĩnh vực Thương mại- dịch vụ và du lịch ở địa phương trong giai đoạn qua đã có bước phát triển mới nhưng chưa đa dạng và quy mô còn nhỏ lẻ, trong đó, nổi bật là dịch vụ cung cấp các loại mặt hàng vật tư nông nghiệp, giống cây trồng phục vụ cho nhu cầu sản xuất, phát triển nông nghiệp của Nhân dân địa phương. Bên cạnh đó, hệ thống cửa hàng Thương mại và các cơ sở buôn bán nhỏ đã có sự phát triển về số lượng và chủng loại hàng hóa đã kịp thời cung cấp nhu cầu thiết yếu cho Nhân dân. Trong giai đoạn, lĩnh vực du lịch đã có bước hình thành mới, huyện đã phát huy được tiềm năng, lợi thế về khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương với thăm quan các địa danh cách mạng kết hợp truyền thống văn hóa lâu đời của người dân bản địa, thăm vườn cây ăn trái và danh thắng thác Tà Gụ, đặc biệt là qua Lễ hội trái cây Khánh Sơn lần thứ nhất năm 2019 đã thu hút trên 10.000 lượt du khách các địa phương trong và

ngoài tỉnh biết đến Khánh Sơn; trên địa bàn huyện từng bước hình thành một số cơ sở dịch vụ lưu trú như Homestay... Qua đó, nâng tổng mức bán lẻ hàng hóa giai đoạn 2016-2020 đạt 322,74 tỷ đồng và Giá trị sản xuất ngành Thương mại - dịch vụ và du lịch tăng bình quân 10,23%. Đây là một mức tăng trưởng khá tốt, tuy nhiên vẫn chưa đạt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra là 13%.

5. Thu, chi ngân sách và đầu tư phát triển

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến cuối năm 2020 là 72.901 triệu đồng, tăng 1,9 lần so với giai đoạn (2010-2015), đạt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra. Thu ngân sách tăng bình quân là 19%/năm, vượt chỉ tiêu (11-15%/năm). Tổng chi ngân sách là 1.769.816 triệu đồng, tăng 2,06 lần so với giai đoạn (2010-2015), trong đó, chi thường xuyên 1.240.070 triệu đồng, chiếm 70%. Lĩnh vực chi đầu tư phát triển là 529.746 triệu đồng chiếm 30%, trong đó, nguồn vốn do huyện quản lý 165.855 triệu đồng, chủ yếu đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, xây dựng trụ sở làm việc UBND các xã, nâng cấp chỉnh trang đô thị và một số công trình giao thông, thủy lợi phục vụ nhu cầu thiết yếu của Nhân dân. Ngoài ra các nguồn vốn do tỉnh quản lý để thực hiện các chương trình phát triển KT-XH miền núi của tỉnh và hỗ trợ đầu tư phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất, an sinh xã hội của địa phương.

7. Lĩnh vực tài nguyên – môi trường

Đã tiến hành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn (2016 - 2020); tổ chức điều tra giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất hàng năm để xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất ổn định 5 năm (2015-2019) và (2020-2025). Trong giai đoạn huyện đã phối hợp tốt với các xã, thị trấn thu hồi được 23,51 ha đất để đầu tư xây dựng 20 công trình phục vụ cho phát triển kinh tế- xã hội. Thực hiện giao đất sản xuất và đất ở cho 80 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, tổng diện tích giao là 93,2 ha; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất được 888 trường hợp với diện tích 708,76 ha. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trên lĩnh vực đất đai, bảo vệ tài nguyên môi trường luôn được cấp ủy chính quyền địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, qua đó, đã hạn chế các tổ chức và cá nhân vi phạm, góp phần bảo vệ tài nguyên đất và khoáng sản trên địa bàn huyện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 04 CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH VÀ CÁC ĐỀ ÁN CỦA HUYỆN

Việc triển khai thực hiện 04 chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện trong giai đoạn 2016-2020. UBND huyện đã đề ra nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và chương trình phát triển kinh tế xã hội miền núi. Qua 5 năm triển khai thực hiện, các chương trình đã từng

bước đi vào cuộc sống và trở thành phong trào thi đua trong toàn hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và được người dân đồng tình ủng hộ, nhất là chương trình chuyển đổi giống cây trồng; nhận thức của phần lớn cán bộ và Nhân dân về các chương trình đã có những chuyển biến rõ nét, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, ý thức được hiệu quả kinh tế trong việc tham gia các chương trình để vươn lên giảm nghèo bền vững. Qua thực hiện các chương trình đã làm cho bộ mặt nông thôn ở một số xã được đổi mới, khang trang hơn; cơ sở hạ tầng được nâng cấp xây dựng mới phần nào đáp ứng nhu cầu của Nhân dân địa phương; hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được củng cố, hoạt động có chất lượng hơn, một số kết quả, cụ thể như sau:

1. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh và huyện đã đầu tư hỗ trợ cho Nhân dân phát triển sản xuất với tổng kinh phí 68.213 triệu đồng; đầu tư xây dựng các công trình phục vụ dân sinh là 55.558 triệu đồng, trong đó, đầu tư cho các công trình giao thông: 3.537 triệu đồng; các công trình thủy lợi: 14.788 triệu đồng; hệ thống nước sinh hoạt: 27.847 triệu đồng và Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thành Sơn: 9.386 triệu đồng.

Kết quả thực hiện đến hết năm 2019 cụ thể như sau:

- + Xã Sơn Bình: Đạt 14/19 tiêu chí
- + Xã Sơn Hiệp: Đạt 13/19 tiêu chí
- + Xã Ba Cùm Bắc: Đạt 11/19 tiêu chí
- + Xã Sơn Lâm: Đạt 10/19 tiêu chí
- + Xã Sơn Trung: Đạt 10/19 tiêu chí
- + Xã Thành Sơn: Đạt 09/19 tiêu chí
- + Xã Ba Cùm Nam: Đạt 08/19 tiêu chí

- Kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Việc huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn. Vốn ngân sách nhà nước (kể cả các vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác) phân bổ về địa phương còn thấp so với nhu cầu của các địa phương, nguồn lực huy động từ người dân còn hạn chế do thu nhập của người dân còn thấp.

- Là huyện nghèo, xuất phát điểm thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, kinh tế còn khó khăn, doanh nghiệp hoạt động nhỏ lẻ và nguồn lực đầu tư cho công tác xóa đói giảm nghèo còn nhiều hạn chế. Một số chính sách ban hành mang tính ngắn hạn, nên chưa giải quyết được nhu cầu thực tế, nhất là công tác giảm nghèo, do đó nhiều tiêu chí không đạt so với kế hoạch đề ra.

2. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Giai đoạn 2016 - 2020, tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình là 94.470 triệu đồng, trong đó, chủ yếu tập trung đầu tư công tác tuyên truyền, hỗ trợ sản xuất, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xây dựng một số công trình phục vụ sản xuất và vận chuyển nông sản của Nhân dân địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do nguồn vốn đầu tư hạn chế nên việc nhân rộng các mô hình còn rất ít, hiệu quả chưa cao.

Ngoài ra, nguồn vốn thực hiện Chương trình 135 về mục tiêu giảm nghèo bền vững đã được huyện đầu tư hỗ trợ sản xuất, xây dựng, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cho 02 xã Thành Sơn, Ba Cùm Nam và các thôn đặc biệt khó khăn ở các xã, thị trấn góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân địa phương.

3. Chương trình phát triển nguồn nhân lực

Chủ yếu tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục, công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, công tác quản lý để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và cán bộ lãnh đạo các cấp. Qua đó, giai đoạn 2016- 2020 huyện đã cử 249 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức được 08 lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho 515 lượt giáo viên các trường. Tính đến cuối năm 2019, số lượng cán bộ công chức cấp xã có trình độ Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chiếm 91%. Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 17%, cấp xã chiếm 46%, cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chiếm tỷ lệ 39%.

4. Chương trình phát triển đô thị

Trong giai đoạn 2015-2020, trên cơ sở Đồ án Quy hoạch chung đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, huyện đã xây dựng đề án Chương trình phát triển đô thị huyện Khánh Sơn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Tổng nguồn vốn đầu tư chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2015-2020 là 145.420 triệu đồng, chủ yếu tập trung đầu tư hoàn thiện phát triển hạ tầng kỹ thuật các công trình như: kè bảo vệ Tô Hạp, Nâng cấp đường Hai Bà Trưng, Đường Lạc Long Quân, Via hè đường Lê Duẩn, đường Ngô Quyền, Quảng trường 20-11, nâng cấp và xây mới Chợ Tô Hạp...cùng với sự quan tâm đầu tư của tỉnh giúp cho bộ mặt đô thị miền núi được khang trang hơn.

5. Các đề án phát triển kinh tế của huyện

5.1. Đề án Khoanh nuôi và phát triển cây lồ ô

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với UBND các xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Hiệp tiến hành khảo sát, khoanh vùng để khoanh nuôi và bảo vệ cây Lò ô. Qua quá trình triển khai thực hiện và qua kết quả kiểm tra hàng năm cho thấy các hộ tham gia thực hiện Đề án đã thực hiện đúng các quy định Đề án được duyệt, tỷ lệ cây sống đạt cao, mật độ cây trồng đạt theo quy định. Hiện nay, đề án có 38 hộ thực hiện với diện tích là 232,7 ha với tổng kinh phí thực hiện năm 2017-2019 là 406,36 triệu đồng.

5.2 Đề án phát triển cây ăn quả (chôm chôm và bưởi da xanh)

Trong giai đoạn, việc chỉ đạo định hướng phát triển diện tích cây ăn quả có giá trị cao đã được Đảng bộ và Nhân dân quyết tâm thực hiện và mang lại lợi ích kinh tế rõ nét cho Nhân dân địa phương. Việc triển khai thực hiện đề án cây ăn quả với mục đích tiếp tục đề ra các chính sách phù hợp để hỗ trợ nhân dân phát triển nông nghiệp bền vững. Đến cuối năm 2019 có 549 hộ tham gia đề án, với tổng số diện tích 153,43ha, gồm: chôm chôm 52,6 ha, bưởi da xanh 100,83ha; tổng kinh phí huyện hỗ trợ thực hiện là 1.310 triệu đồng. Hiện tại cây bưởi da xanh và cây chôm chôm sinh trưởng và phát triển tốt.

Hiện tại đề án đã phát huy được hiệu quả, cây bưởi da xanh và cây chôm chôm sinh trưởng và phát triển tốt, một số diện tích đã cho thu hoạch, được thị trường chấp nhận, góp phần mang lại lợi ích kinh tế cho các hộ gia đình.

5.3. Chương trình phát triển Du lịch.

Việc triển khai thực hiện chương trình phát triển du lịch ở địa phương được Ban chấp hành Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo đồng bộ từ huyện đến cơ sở, trong đó, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu như: điểm dừng chân đỉnh đèo; đường vào Khu sinh thái thác Tà Gụ; thành lập đội Mã la, đội văn nghệ; tái hiện các phong tục tập quán tốt của người dân địa phương... để phục vụ du khách thăm quan. Chú trọng công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về văn hóa, vùng đất, con người, các sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu đặc trưng như: sầu riêng, bưởi da xanh, mía tím... kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển vào các địa điểm có tiềm năng về du lịch của huyện như: Đồi thông (xã Sơn Bình), khu sinh thái Thác Tà Gụ (xã Sơn Hiệp). Bên cạnh đó, huyện đã triển khai thực hiện tốt các sự kiện như: Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam; Hội thao các dân tộc thiểu số tỉnh, Liên hoan văn hóa Raglai, thi tìm hiểu Luật Di sản văn hóa... Hiện nay, huyện đã kiến nghị tỉnh quan tâm đưa du lịch Khánh Sơn vào quy hoạch phát triển chung trong ngành du lịch của tỉnh, đồng thời đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kết nối các điểm tham quan du lịch và thực hiện việc quảng bá để du khách trong và ngoài tỉnh biết đến Khánh Sơn với một tiềm năng có khí hậu mát mẻ, con người năng động giàu lòng mến khách.

III. LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Đã có bước phát triển tương đối toàn diện, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư; đội ngũ giáo viên được đào tạo theo hướng chuẩn hóa, đến nay cơ bản đáp ứng yêu cầu; công tác tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp luôn đạt tỷ lệ trên 98%; 100% cơ sở giáo dục mầm non được tổ chức ăn bán trú; tỷ lệ học sinh bỏ học trong hè giảm nhiều so với giai đoạn trước. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục được duy trì và giữ vững. Hàng năm, tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỷ lệ xét tốt nghiệp THCS đạt trên 98% và tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông trên 75%. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS được quan tâm thực hiện, giúp học sinh định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp THPT. Trong giai đoạn có thêm 03 trường đạt chuẩn quốc gia (Trường Mầm non Sơn Ca, Trường Mầm non Vành khuyên và Trường Trung học cơ sở Sơn Bình) nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện là 6 trường, đạt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra).

2. Lĩnh vực y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

Về Y tế: Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố và hoàn thiện, đáp ứng các điều kiện cần thiết để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân; chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao, trong đó, hoạt động khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT từng bước được Nhân dân thực hiện tốt. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được triển khai tốt, đặc biệt là các chương trình tiêm chủng mở rộng và phòng chống sốt rét đạt hiệu quả cao; hoạt động giám sát dịch bệnh luôn được duy trì, không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, các phòng khám, hiệu thuốc tư nhân hình thành đã cùng với mạng lưới y tế thực hiện việc khám chữa bệnh cho Nhân dân; ý thức của Nhân dân ngày một được nâng lên đã hạn chế được hủ tục cúng bái khi gia đình có người bệnh.

Về công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình: đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân, nhất là công tác giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, từ đó đã góp phần tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn, không phát sinh các trường hợp kết hôn cận huyết thống, đã ngăn chặn được 83 trường hợp có nguy cơ tảo hôn; số cặp vợ chồng vi phạm độ tuổi kết hôn có giảm so với giai đoạn trước (74/114).

3. Việc triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội và dạy nghề tạo việc làm

Công tác giảm nghèo luôn được quan tâm chỉ đạo, các cơ quan đơn vị đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể bằng nhiều biện pháp như: cho vay vốn, dạy

nghe, tạo việc làm mới; hỗ trợ vốn thực hiện các mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống và giúp Nhân dân vươn lên thoát nghèo. Hàng năm, số lao động có việc làm tăng thêm 478 người, đạt 119%; trong giai đoạn đã tổ chức đào tạo nghề cho hơn 1.349 lao động nông thôn, trong đó, 1.046 người đào tạo nghề phi nông nghiệp và 303 người đào tạo nghề nông nghiệp, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 52%, gấp 2 lần so với Kế hoạch. Số hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 367 hộ, tỷ lệ giảm bình quân hàng năm là 6,64% (vượt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra). Phần đầu đến cuối năm 2020 số hộ nghèo còn lại là 1.713 hộ, chiếm tỷ lệ 24,09%, giảm được 1.837 hộ (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016- 2020).

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chính sách bảo trợ xã hội và các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được quan tâm thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ. Duy trì 8/8 xã, thị trấn được công nhận là xã, thị trấn làm tốt công tác thương binh liệt sĩ. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em: 66%.

4. Lĩnh vực văn hóa thông tin và thể thao

Lĩnh vực văn hóa, thông tin và thể thao đã có những chuyển biến tích cực, nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ được tổ chức từ huyện đến cơ sở, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của Nhân dân, góp phần phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương; công tác sưu tầm, bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá của người Raglai được chú trọng; phong trào thể dục, thể thao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục có bước phát triển, chất lượng ngày càng ổn định. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; việc chỉ đạo thực hiện, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền vận động là chính để Nhân dân hiểu và chấp hành, góp phần hạn chế việc tổ chức tiệc cưới, việc tang kéo dài nhiều ngày. Các chỉ tiêu về văn hóa cơ bản đạt theo Kế hoạch đề ra. Tính đến năm 2019, toàn huyện có 89,43% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá; 83,87% thôn, tổ dân phố được công nhận văn hoá; 93,75% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá, trên 50% xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị. Bình quân hàng năm số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 21,98% so với kế hoạch giao tăng 1,06%; số gia đình tập luyện thể dục thể thao đạt 20%, so với kế hoạch giao tăng 13,28%.

5. Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc

Thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình 135; chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt... và thực hiện chính sách cho người có uy tín trong

đồng bào dân tộc; thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho các chi, Đảng ủy cơ sở; tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân trong lĩnh vực tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số và hỗ trợ chính sách ăn trưa cho trẻ em, học sinh tiểu học và chế độ học bổng cho học sinh trung học cơ sở cũng như đào tạo nghề cho lao động nông thôn... Qua đó, bằng các nguồn đầu tư, hỗ trợ đã thực hiện là 37.890 triệu đồng, trong đó: đầu tư xây dựng khu tái định cư thôn Dốc Trầu 27.807 triệu đồng; hỗ trợ trực tiếp cho 10.576 lượt hộ nghèo với số tiền 4.315 triệu đồng; thực hiện chính sách người có uy tín 72,7 triệu đồng; công tác tuyên truyền thực hiện chính sách dân số là 37,2 triệu đồng; trợ cấp tiền ăn trưa cho 2.464 học sinh là người dân tộc thiểu số bán trú với số tiền 3.158.973.000 đồng và hỗ trợ đào tạo nghề phi nông nghiệp trên 2,504 tỷ đồng.

Qua việc triển khai thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện đã có tác động lớn đến các mặt kinh tế, văn hóa, đời sống xã hội, phát huy được sự sáng tạo của người dân và toàn xã hội, làm thay đổi diện mạo nông thôn vùng dân tộc và miền núi của huyện, đời sống đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, trình độ dân trí được nâng lên. Cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện sống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau làm ăn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước.

6. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí và xây dựng bộ máy nhà nước.

Trong giai đoạn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, Kế hoạch và pháp luật Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, qua đó, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện không có vụ việc nổi cộm, phức tạp kéo dài. Công tác thanh tra, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tiến hành thường xuyên, góp phần tích cực trong việc đấu tranh phòng ngừa các sai phạm trong quản lý kinh tế - xã hội. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm chỉ đạo, tập trung giải quyết đơn thư phát sinh ngay từ cơ sở, hạn chế đơn thư khiếu kiện vượt cấp. Qua đó, trong giai đoạn, đã tiếp 112 lượt công dân và giải quyết dứt điểm 93 đơn thư khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Công tác xây dựng bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, sắp xếp kịp thời, trong đó, bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động ngày càng có hiệu quả; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đúng với chức năng, nhiệm vụ quy định, phù hợp với điều kiện của từng cơ

quan, đơn vị. Đồng thời xây dựng quy chế phối hợp giữa đơn vị có chức năng và nhiệm vụ liên quan, tạo sự thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện. Công tác cải cách hành chính luôn được các cấp quan tâm triển khai thực hiện, trong đó, đã chú trọng việc nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để kịp thời giải quyết thủ tục hành chính cho Nhân dân, tạo sự chuyển biến tốt về mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, công dân. Đồng thời, duy trì và áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 góp phần công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, qua đó, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2019 của huyện được tỉnh xếp loại tốt, là đơn vị dẫn đầu khối thi đua các huyện, thị, thành phố.

IV. LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh Khánh Hòa về nhiệm vụ quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng kế hoạch để chủ động phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Xây dựng và hoàn chỉnh các phương án tác chiến, tăng cường công tác huấn luyện, công tác tổ chức diễn tập phòng thủ, phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn được triển khai thực hiện nghiêm túc được tỉnh đánh giá đạt kết quả cao. Hàng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ theo kế hoạch tỉnh giao. Quan tâm xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 3,52% tổng dân số, trong đó, *(đảng viên trong lực lượng dự bị động viên đạt 14,02%, trong lực lượng dân quân tự vệ đạt 22,33%)*. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng có nhiều tiến bộ góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, ổn định, không để vào thế bị động, bất ngờ. Phạm pháp hình sự được kiềm chế và giảm so với giai đoạn trước; công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự ngày càng được tăng cường, trật tự an toàn giao thông được kiềm chế về cả 3 tiêu chí; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được chú trọng, xây dựng, củng cố và phát triển rộng khắp; các lực lượng bán chuyên trách tiếp tục được củng cố, kiện toàn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ ANTT trong tình hình mới. Huyện Khánh Sơn tiếp tục giữ vững là địa bàn không có tội phạm về ma túy, mại dâm; tội phạm băng, ổ, nhóm có tính chất lưu manh, chuyên nghiệp, đạt theo mục tiêu Kế hoạch đề ra.

B. NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

I. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM

1. Lĩnh vực kinh tế

Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất của các ngành kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 tuy đã có bước phát triển so với giai đoạn trước nhưng chưa đạt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra.

Ngành Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, sản phẩm chưa đa dạng, phong phú, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, đầu ra cho nông sản chưa ổn định, sự liên kết của “4 nhà” chưa được triển khai đồng bộ, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn nhiều hạn chế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới phương thức trong sản xuất nông nghiệp còn chậm.

Lĩnh vực cung ứng dịch vụ, du lịch quy mô còn nhỏ lẻ, tự phát, chưa đa dạng các sản phẩm để phục vụ du khách, do đó, số lượng khách đến thăm quan chưa nhiều.

Quy mô sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ lẻ, thủ công, thiếu vốn, thiếu lao động có tay nghề cao. Nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến của địa phương chưa được phát triển, chủ yếu sản phẩm tiêu thụ thô, chưa qua chế biến bảo quản đóng gói. Mô hình tổ chức kinh doanh còn tự phát, nhỏ lẻ, hiệu quả kinh doanh không cao.

2. Lĩnh vực văn hóa-xã hội

Chất lượng giáo dục chưa toàn diện, tỷ lệ huy động các cháu trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp bình quân hàng năm và tỷ lệ học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày bình quân hàng năm thấp hơn so với chỉ tiêu đề ra. Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học của một số trường học còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đạt chuẩn, tình trạng học sinh bỏ học trong hè còn diễn ra ở các cấp học.

Nhân lực ngành y tế còn thiếu, trình độ chuyên môn còn hạn chế, nhất là các bác sỹ chuyên khoa. Việc thu hút bác sỹ chính quy về địa phương công tác còn khó khăn; cơ sở vật chất chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Tỷ lệ bác sỹ trên số dân chưa đạt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi còn cao so với chỉ tiêu Kế hoạch đề ra.

Kết quả công tác giảm nghèo chưa bền vững, một số hộ nghèo chưa thực sự vươn lên thoát nghèo, vẫn còn ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trên địa bàn huyện trong các năm qua chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; việc khai thác các nguồn lực từ xã hội hóa cho các hoạt động văn hóa, thể thao gặp nhiều khó khăn.

3. Lĩnh vực quốc phòng-an ninh.

Công tác phối hợp nắm tình hình, quản lý địa bàn có lúc chưa kịp thời; trên địa bàn đã xuất hiện tệ nạn về ma túy; tình trạng phá rừng trái phép, khai thác, vận chuyển lâm sản, khoáng sản trái phép ở một số địa phương vẫn còn

xảy ra; việc thực hiện giải pháp phòng ngừa tham nhũng ở một số cấp ủy xã chưa hiệu quả, để xảy ra vụ việc tham nhũng.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

So với các địa phương trong tỉnh, xuất phát điểm về kinh tế-xã hội của huyện ở mức thấp; hạ tầng cơ sở như giao thông, công trình thủy lợi, nguồn nước phục vụ phát triển sản xuất còn thiếu; cơ sở sản xuất CN -TTCN, cơ sở kinh doanh dịch vụ rất ít; nguồn lực đầu tư của huyện còn thấp so với nhu cầu thực tế, phụ thuộc vào ngân sách cấp trên nên không chủ động; các ngành kinh tế trên địa bàn còn phụ thuộc vào thời tiết và giá cả thị trường. Bên cạnh đó, dịch bệnh, thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất trên địa bàn huyện.

2. Nguyên nhân chủ quan

- *Đối với lĩnh vực kinh tế:* Trình độ dân trí và trình độ sản xuất của Nhân dân còn thấp; việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Một bộ phận người dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và từ bên ngoài, chưa thực sự cố gắng vươn lên phát triển kinh tế và thoát nghèo; Việc xác định một số chỉ tiêu, chương trình, đề án chưa sát với nguồn lực và điều kiện thực tế của địa phương nên hiệu quả mang lại chưa cao.

- *Đối với lĩnh vực văn hóa - xã hội:* Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn; tạo việc làm mới tại địa phương còn nhiều hạn chế, số lượng lao động trong độ tuổi nhiều nhưng số lao động qua đào tạo tay nghề cao còn ít. Sản phẩm phục vụ du lịch chưa đa dạng, giao thông, cơ sở vật chất phục vụ du lịch còn thiếu, du lịch còn mang tính tự phát.

- *Đối với lĩnh vực quốc phòng - an ninh:* Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện và công tác quản lý trên một số lĩnh vực như bảo vệ rừng, khai thác khoáng sản còn nhiều bất cập, tình hình sử dụng ma túy, trộm cắp vật đang từng bước xâm nhập vào địa bàn huyện.

Ngoài ra, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo có thời điểm chưa quyết liệt và đầu giai đoạn đề ra một số chỉ tiêu quá cao so với tình hình thực tế ở địa phương dẫn đến một số chỉ tiêu chưa đạt so với Kế hoạch đề ra.

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Giai đoạn 2021 - 2025, huyện Khánh Sơn cùng với cả tỉnh tiếp tục hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế của đất nước, sự phát triển của khoa học công nghệ và với ưu thế về điều kiện tự nhiên sẵn có sẽ mang lại cho huyện Khánh Sơn nhiều cơ hội mới để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trước

những thời cơ, thuận lợi cùng với khó khăn, thách thức huyện Khánh Sơn cần chủ động nắm bắt cơ hội, huy động mọi nguồn lực đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy tính năng động sáng tạo, tiếp tục đổi mới để hoàn thành các chỉ tiêu Kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025 đề ra.

I. PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh hiện có, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của Trung ương, của tỉnh để tiếp tục đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “*Nông nghiệp - dịch vụ, du lịch - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*” gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm sự ổn định về quốc phòng - an ninh; xây dựng đảng trong sạch vững mạnh. Phấn đấu đưa huyện Khánh Sơn thoát khỏi tình trạng kém phát triển.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm từ 10% .
- Giá trị dịch vụ - du lịch tăng bình quân hàng năm 10%.
- Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm 8%.
- Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm 2.000 tấn.
- Trồng rừng: phấn đấu đến năm 2025 đạt 250 ha, bình quân mỗi năm trồng mới 50 ha.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đến năm 2025 tăng 1,4 đến 1,6 lần so với năm 2020).
- Thu hút khoảng 15.000 lượt khách, tổng doanh thu ước đạt 8,5 tỷ đồng; Duy trì mức tăng trưởng bình quân đạt từ 15%/năm.
- Đến năm 2025 có 01 xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới (xã Sơn Bình), 04 xã đạt 15 tiêu chí trở lên và 02 xã Ba Cùm Nam và Thành Sơn đạt từ 13 tiêu chí trở lên.
- Bình quân thu nhập đầu người theo tiêu chí nông thôn mới đến năm 2025 đạt 48 triệu/người/năm.

2.2. Về văn hóa xã hội

-100% trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo ở các cơ sở giáo dục mầm non được tổ chức bán trú. 95% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày; 40% học sinh THCS được học trên 6 buổi/tuần; 30% học sinh sau khi tốt nghiệp THCS được phân luồng sang học nghề; có thêm 03 trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Tỷ lệ giường bệnh đạt 38 giường bệnh/10.000 dân; đạt 08 bác sỹ/10.000 dân; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm: 1,35%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 70% ; Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân hàng năm 450 người/năm.

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm (3-4)%/năm. (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020).

- Hàng năm đạt 85% gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “ Gia đình văn hóa” ; 85% thôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá” ;95% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá ; tỷ lệ người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 27%; số gia đình tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 23%. 8/8 xã có trang thông tin điện tử.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 65% .

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về lĩnh vực kinh tế

1.1. Nông nghiệp: Tập trung phát triển theo hướng nông nghiệp sạch, sản xuất theo chuẩn VietGap, có chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc; từng bước hình thành chuỗi liên kết nông sản từ sản xuất đến tiêu thụ trên thị trường đem lại giá trị kinh tế cao, nâng cao giá trị/diện tích đất trồng. Phát triển Nông nghiệp gắn với du lịch. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ sinh học vào phát triển sản xuất. Đẩy mạnh thành lập các tổ liên kết, hợp tác xã; hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp, áp dụng đưa vào trồng các loại giống cây mới, quy trình sản xuất hiện đại. Tiếp tục quảng bá nông sản, bảo vệ thương hiệu Sầu riêng Khánh Sơn và xây dựng thêm một số loại thương hiệu trái cây khác. Tập trung thực hiện “Đề án Chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 huyện Khánh Sơn”.

1.2. Dịch vụ, du lịch: Tạo mọi điều kiện để huy động các thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; thực hiện tốt việc tìm đầu ra cho các loại sản phẩm hàng hóa do nông dân sản xuất để góp phần bình ổn giá. Tạo cơ chế thu hút đầu tư, đồng thời khuyến khích tư nhân tham gia vào các hoạt động dịch vụ, du lịch.

Tập trung xây dựng và hoàn thành việc quy hoạch mạng lưới du lịch tổng thể trên địa bàn huyện; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương để kêu gọi đầu tư, phát triển du lịch bền

vững gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, từng bước hình thành các sản phẩm du lịch cộng đồng, tìm hiểu lối sống, văn hoá của đồng bào dân tộc Raglay, phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, tham quan các trang trại vườn cây ăn trái... Hoàn chỉnh việc xây dựng các công trình phục vụ du lịch như xây dựng thác Tà Gụ, điểm dừng chân Đỉnh Đèo, thác nước tạo cảnh quan của Cây Đa; thành lập, đào tạo, bồi dưỡng các đội văn nghệ, đội đánh Mã La, đàn đá biểu diễn chuyên nghiệp của địa phương.

1.3. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Khuyến khích, kêu gọi đầu tư để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp sẵn có tại địa phương, phát triển các loại nghề đan lát truyền thống của người dân tộc thiểu số, các sản phẩm, mây, tre, nứa, lá ...các sản phẩm phục vụ nhu cầu phát triển du lịch.

1.4. Tài chính – Ngân sách: triển khai các giải pháp hiệu quả nhằm chống thất thu cho ngân sách, đẩy mạnh hiện đại hóa trong công tác thu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế nộp vào ngân sách. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thu thuế tại các xã, thị trấn.

1.5. Đầu tư phát triển: Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, kết hợp với nguồn lực của địa phương tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kinh tế của huyện; phân đấu từ nay đến năm 2025 tập trung đầu tư những cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như Đường giao thông trên địa bàn huyện; Hồ chứa nước xã Sơn Trung, Hồ chứa nước xã Ba Cùm Nam; các công trình thủy lợi; các công trình kè chống sạt lở, các công trình giáo dục, văn hóa, thương mại và đặc biệt là tiếp tục kiên nghị tỉnh sớm thi công tuyến đường Ba Cùm Nam đi Phước Thành góp phần khắc phục sự độc đạo của tuyến đường Tỉnh lộ 9

1.6. Tài nguyên - môi trường: Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai, môi trường, khoáng sản trên địa bàn huyện: Xây dựng và thực hiện quy hoạch đất giai đoạn 2021 – 2030 huyện Khánh Sơn, trong đó, chú trọng quy hoạch đất cho mục đích thương mại- dịch vụ và phát triển đô thị của huyện. Thực hiện tốt công tác giao đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Pháp luật. Xây dựng kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện giai đoạn (2020- 2025). Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý việc khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép và công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản đối với các xã, thị trấn.

2. Về lĩnh vực văn hóa-xã hội

2.1. Giáo dục và Đào tạo

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; chú trọng đổi mới quản lý giáo dục và nâng cao chất lượng dạy học. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm huy động tối đa học sinh đầu cấp ra lớp và ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học trong hè do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành địa phương với nhà trường trong công tác giáo dục và vận động học sinh ra lớp, quan tâm hỗ trợ những gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn để con em được đến trường.

2.2. Y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở, bảo đảm đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân với chất lượng các dịch vụ y tế cao, từng bước tạo sự công bằng trong hưởng thụ chăm sóc y tế. Không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn huyện, thường xuyên kiểm tra, thanh tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh thuốc chữa bệnh. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nhất là trang thiết bị khám chữa bệnh cho bệnh viện huyện theo chuẩn hạng III và hạng II; Đầu tư nâng cấp trung tâm y tế huyện Khánh Sơn với quy mô 80 giường bệnh.

Nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, giảm bớt chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư trên địa bàn huyện. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn huyện.

2.3. Lao động việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; chú trọng đào tạo nghề có trình độ cao, hướng đến công tác xuất khẩu lao động; ưu tiên đào tạo nghề cho các đối tượng chính sách xã hội, hộ nghèo và người dân tộc thiểu số. Có chính sách động viên, khuyến khích người nghèo tự tìm việc làm nâng cao thu nhập.

Giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách cho các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội; nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng và lãnh đạo các cấp trong công tác giảm nghèo, từng bước xã hội hóa trong công tác giảm nghèo tại địa phương, phấn đấu không để hộ nghèo bị bỏ lại phía sau.

2.4. Văn hóa – thông tin và thể thao

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông; tiếp tục triển khai Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020” trên địa bàn huyện, trong đó, chú trọng tổ chức phục dựng các lễ hội truyền thống tiêu biểu, sưu tầm và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc Raglai

như: trang phục, tiếng nói, chữ viết, các làn điệu dân ca, sử thi, các nhạc cụ truyền thống... gắn với công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác gia đình, phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” và đẩy mạnh cuộc vận động “toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

3. Trên lĩnh vực quốc phòng-an ninh

Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng địa phương hàng năm. Chấp hành nghiêm túc công tác sẵn sàng chiến đấu; duy trì tốt chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy từ huyện đến cơ sở. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ.

Thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, các mục tiêu trọng điểm trên địa bàn; xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc; thường xuyên làm tốt công tác phòng, ngừa, tấn công trấn áp các loại tội phạm góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, chú trọng thực hiện các quy định về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị. Tiếp tục xây dựng địa bàn không có tội phạm về ma túy, mại dâm; tội phạm băng, ổ, nhóm có tính chất lưu manh, chuyên nghiệp. Duy trì tổ chức giao ban với các đơn vị giáp ranh để nắm bắt tình hình, phòng ngừa âm mưu của kẻ địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc gây mất lòng tin giữa đảng với Nhân dân.

4. Tiếp tục thực hiện chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh và các đề án của huyện

4.1 Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới

Phát huy vai trò, sức mạnh của hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới; tập trung rà soát bổ sung và điều chỉnh quy hoạch, đề án nông thôn mới đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, vốn; tập trung hoàn thành các công trình huyết mạch đáp ứng nhu cầu dân sinh. Thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo, công tác đào tạo nghề; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ; tiếp tục xây dựng các mô hình liên kết sản xuất như: thành lập tổ liên kết, hợp tác xã, kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình... mang tính bền vững; tiếp tục chỉ đạo nâng cao số lượng, chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới hàng năm của từng địa phương. Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa để đầu tư một số lĩnh vực, hạng mục theo quy định, tiến tới xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

4.2. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công tác tuyên truyền ở cơ sở để Nhân dân thực hiện có hiệu quả, trong đó, phát huy vai trò già làng, trưởng thôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, vận động gắn với hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật, nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả để nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, ý thức trách nhiệm của đồng bào trong việc tham gia thực hiện chương trình. Xác định, lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp với năng lực, nhận thức của đồng bào và thế mạnh của địa phương. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả với Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển nguồn nhân lực, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các đề án, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi, tránh tình trạng đầu tư dàn trải.

4.3. Chương trình phát triển đô thị

Tập trung lập, phê duyệt, công bố các đề án Quy hoạch chi tiết và phân khu trung tâm thị trấn Tô Hạp và quản lý thực hiện có hiệu quả quy hoạch đã được duyệt. Tổ chức cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng nhằm thực hiện tốt công tác quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư XDCB, công tác kiểm tra các hoạt động xây dựng trên địa bàn; giám sát chặt chẽ chất lượng công trình, dự án được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tổ chức tốt công tác quản lý nhà nước về hạ tầng đô thị, xử lý rác thải, nước thải, vệ sinh môi trường đô thị; vận động các cơ sở, các hộ gia đình không chăn nuôi gia súc gia cầm trong phạm vi nội thị. Xúc tiến đầu tư xây dựng các công trình tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường sinh thái khu trung tâm đô thị của huyện.

4.4. Chương trình phát triển nguồn nhân lực:

Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ quản lý, lý luận chính trị cho cán bộ, công chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp huyện, cấp xã. Phấn đấu đến năm 2021 đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã 100% đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; 100% cán bộ, công chức cấp huyện có trình độ đại học trở lên, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn ngạch công chức theo vị trí việc làm; 100% cán bộ Đảng, Đoàn thể làm công tác nghiệp vụ có trình độ cao đẳng, đại học và có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực. Kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy tham mưu, giúp việc về quản lý nguồn nhân lực.

4.5 Các đề án phát triển kinh tế-xã hội của huyện giai đoạn 2020-2025

Chương trình phát triển Du lịch: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, thực hiện công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến du lịch; tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch; Thường xuyên mở các lớp đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch của huyện, nâng cao nhận thức của Nhân dân trong phát triển du lịch cộng đồng; Có chính sách thu hút các nhà đầu tư, thực hiện công tác xã hội hóa trong quản lý và đầu tư phát triển du lịch, hợp tác, liên kết với các địa phương trong và ngoài tỉnh để phát triển du lịch ở địa phương.

Đề án Chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 huyện Khánh Sơn: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đổi mới hình thức sản xuất, đầu tư chăm sóc cây trồng, tăng cường mối liên kết trong sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Gap có truy xuất nguồn gốc chỉ dẫn địa lý; xây dựng thương hiệu, tham gia chương trình OCOP gắn với đầu ra...

Xây dựng Đề án bảo tồn, phục dựng, chế tác đàn đá Khánh Sơn: Đàn đá Khánh Sơn là bảo vật Quốc gia, là nhạc cụ đặc sắc của người đồng bào Raglay huyện Khánh Sơn. Việc bảo tồn, phục dựng và chế tác đàn đá Khánh Sơn là việc cần làm ngay, nhằm bảo tồn và phát huy nét văn hóa đặc sắc và cũng nhằm giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa độc đáo này đến với công chúng, du khách trong định hướng phát triển du lịch của huyện. Nghiên cứu mời các nghệ nhân, các chuyên gia trong và ngoài tỉnh tham gia chế tác đàn đá, hướng tới tổ chức liên hoan Festival đàn đá ngay tại địa bàn huyện Khánh Sơn trong tương lai gần.

Trên đây là nội dung về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Khánh Sơn. /.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, TCKH *laul*



Nguyễn Văn Nhuận

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Nghị quyết	Giai đoạn 2016-2020					Thực hiện 2016-2020	Đánh giá thực hiện với mục tiêu 2016-2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước thực hiện năm 2020			
I	Chỉ tiêu về kinh tế										
1	Giá trị sản xuất (theo giá hiện hành)	Tr.đồng		368.584	403.842	463.291	523.176				
	- Nông nghiệp	tr.đồng		251.126	277.950	326.835	374.837				
	- Công nghiệp - tiểu thủ CN	tr.đồng		50.329	52.992	55.771	59.034				
	- Thương mại - dịch vụ	tr.đồng		67.129	72.900	80.685	89.305				
	Giá trị sản xuất (theo giá cố định 2010)	Tr.đồng		241.448	263.229	287.148	310.856				
	- Nông lâm nghiệp, thủy sản	Tr.đồng		148.807	159.520	175.387	210.573				
	- Công nghiệp	Tr.đồng		35.950	38.421	40.833	45.344				
	- Thương mại - dịch vụ	Tr.đồng		56.690	65.288	70.928	85.052				
2	Cơ cấu GTSX theo ngành kinh tế			100	100	100	100				
	- Nông nghiệp	%		67,97	68,13	70,55	71,65				
	- Công nghiệp - tiểu thủ CN	%		14,35	13,65	12,04	11,28				
	- Thương mại - dịch vụ	%		17,69	18,21	17,42	17,07				
	Tốc độ tăng GTSX các ngành (theo giá so sánh 2010)			7,19	9,75	8,29	8,28				
	- Nông nghiệp	%	10	6,02	7,20	9,95	11,20	8,47	không đạt	10	
	- Công nghiệp - tiểu thủ CN	%	13	7,20	6,87	5,70	5,06	6,22	Không đạt	8	

	- Thương mại - dịch vụ- du lịch	%	12	8,34	15,17	8,64	10,44	8,58	10,23	Không đạt	10
4	Trồng rừng tập trung	ha	560	573	300	203	100	100	255,20	Không đạt	250
5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tr. Đồng	Tăng 1,8 đến 2 lần	10.007	10.159	13.079	17.858	21.798	Tăng 1,9 lần	Đạt	Tăng 1,4 đến 1,6 lần
II	Chỉ tiêu về văn hóa-xã hội										
1	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (có thêm)	Trường	3	-	-	-	-	3	3	Đạt	3
2	Huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến trường	%	30,0	22,6	22,8	26,2	24,8	-	24,1	Không đạt	30,0
3	Huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường	%	85,0	91,8	94,5	94,2	96,0	-	94,1	Đạt	95,0
4	Trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày	%	100	100	100	100	100	-	100	Đạt	100
5	Học sinh tiêu học được học 2 buổi/ngày	%	90	82	81	81	88	-	83,2	Không đạt	95
6	Học sinh THCS được học 6 buổi/tuần	%	40	100	100	100	100	-	100	Đạt	40
7	Các trường tiêu học tổ chức bán trú cho học sinh người Kinh nghèo và người dân tộc thiểu số	%	100	100	100	100	100	-	100	Đạt	100
8	Số giường bệnh/10.000dân	GB	35	40,4	41,3	42,1	43,2		41,8	Đạt	40
9	Số bác sỹ/10.000dân	Bác sỹ	10	5,30	5,30	7,00	8,70		6,58	Không đạt	10
10	Số lao động có việc làm tăng thêm	người/năm	400	889	187	418	450	450	478	Đạt	450
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	26						52	Đạt	70
12	Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân	%/năm	4	6,77	2,17	4,23	10,81	10,00	8,50	Đạt	4
13	Thu nhập bình quân đầu người	tr.đồng						20,4			48
14	Dân số trung bình	Người	25.190	24.239	24.699	25.159	25.349			Đạt	26.000
15	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,35	1,50	1,52	1,45	1,42		1,42	Đạt	1,35
16	Giảm tỷ suất sinh hằng năm	‰	0,35	0,27	0,37	0,35			0,45	Không đạt	0,35

17	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	<25	32,5	31,9	30,1	29,9				Không đạt	<25
18	Tỷ lệ số cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	90	94,70	97,50	98,7	93,75	95,00	0,98		Đạt	95
19	Tỷ lệ thôn, TDP được công nhận văn hóa	%	80	87,09	74,1	87,09	83,87	83,87	1,00		Đạt	85
20	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	80	74,2	77	76,7	89,43	90,00	1,04		Đạt	85
21	Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	50	50	50	50	50	50	50		Đạt	60
22	Tỷ lệ người tham gia tập TDTT thường xuyên	%		21,04	21,1	21,81	21,48	22,00	1,00			27
23	Số gia đình tập TDTT thường xuyên	%		18	18,7	20,45	19,55	20,00	1,02			23
24	Số xã có trang thông tin điện tử	xã										8
25	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	14%(1/7 xã)	0	0	0	0	0	0		0	14%(1/7 xã)
26	Tỷ lệ dân cư đô thị	%										
III	Chỉ tiêu môi trường											
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	65	62,3	63	63,1	64	65	65		Đạt	65
2	Tỷ lệ hộ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95	82	85	88	90	95	95		Đạt	95